|  |  |
| --- | --- |
| BỘ NÔNG NGHIỆP&PTNT**CỤC BẢO VỆ THỰC VẬT** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 38/BC7N-BVTV |  |

**BÁO CÁO
Tình hình sinh vật gây hại cây trồng**

 *(Từ ngày 13 đến ngày 19 tháng 9 năm 2024)*

**I. TÌNH HÌNH THỜI TIẾT VÀ CÂY TRỒNG**

**1. Tình hình thời tiết trong tuần:** Theo Trung tâm Dự báo KT-TV Quốc gia.

***1.1. Các tỉnh Bắc Bộ***

Nhiệt độ: Trung bình: 27,7 0C; Cao nhất: 35,50C; Thấp nhất: 20,60C;

Độ ẩm: Trung bình: 85 %; Cao nhất: 92,3 %; Thấp nhất: 77,4%.

- Nhận xét: Trong kỳ ban ngày trời nắng nóng, chiều và tối có nơi có mưa rào và dông rải rác.

- Dự báo trong tuần tới:

+ Trung du miền núi phía Bắc: Từ ngày 20-22/9 có mưa rào và dông rải rác, cục bộ có mưa vừa, mưa to; từ 23-26/9 có mưa rào và dông vài nơi, ngày nắng. Trong mưa dông có khả năng xảy ra lốc, sét và gió giật mạnh

+ Đồng Bằng Sông Hồng: Ngày 20-22/9, khu vực có mưa rào và dông rải rác về chiều và tối; từ 23-29/9 có mưa rào và dông vài nơi, ngày nắng. Trong mưa dông có khả năng xảy ra lốc, sét và gió giật mạnh.

***1.2. Các tỉnh Bắc Trung Bộ***

Nhiệt độ: Trung bình: 28,0 0C; Cao nhất: 34,2 0C; Thấp nhất: 24,9 0C;

Độ ẩm: Trung bình: 85,0 %; Cao nhất: 90 %; Thấp nhất: 80,8 %.

- Nhận xét: Đầu kỳ do chịu ảnh hưởng của hoàn lưu cơn bão số 3 trời âm u trong vùng có mưa tới mưa to, có nơi mưa rất to, giữa kỳ mây thay đổi ngày nắng đêm có mưa rào và dông. Cuối kỳ, chịu ảnh hưởng của áp thấp nhiệt đới trong vùng xảy ra mưa vừa, phía Nam mưa to đến rất to gây ảnh hưởng đến cây trồng và tiến độ thu hoạch vụ Thu Mùa 2024.

- Dự báo trong tuần tới: Ngày 20-22/9 có mưa, mưa vừa, cục bộ có nơi mưa to và dông; từ 23-26/9 có mưa rào và dông rải rác, phía Nam cục bộ có mưa to và dông. Trong mưa dông có khả năng xảy ra lốc, sét và gió giật mạnh.

***1.3. Các tỉnh Duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên***

*a) Duyên hải Nam Trung Bộ*

Nhiệt độ: Trung bình: 30 0C; Cao nhất: 35 0C; Thấp nhất: 26,3 0C;

Độ ẩm: Trung bình: 79,0 %; Cao nhất: 85,9 %; Thấp nhất: 73,6 %.

*b) Tây Nguyên*

Nhiệt độ: Trung bình: 22,4 0C; Cao nhất: 30,5 0C; Thấp nhất: 17,3 0C;

Độ ẩm: Trung bình: 91,0 %; Cao nhất: 94,1 %; Thấp nhất: 86,4 %.

- Nhận xét: Thời tiết tuần qua, do ảnh hưởng của áp thấp nhiệt đới nên khu vực Đồng bằng và Tây Nguyên trời mây thay đổi, ngày nắng gián đoạn, chiều tối và đêm có mưa rào và dông, cục bộ có nơi mưa vừa đến mưa to. Nhìn chung, lúa Hè Thu, lúa Mùa, cây công nghiệp, cây ăn quả, rau màu và một số cây trồng chính khác sinh trưởng phát triển bình thường.

- Dự báo trong tuần tới:

+ Duyên Hải Nam Trung Bộ: Chiều tối và tối có mưa rào rải rác và có nơi có dông, ngày nắng. Trong mưa dông có khả năng xảy ra lốc, sét và gió giật mạnh.

+ Tây Nguyên: Có mưa rào và rải rác có dông, cục bộ có nơi mưa to (thời gian mưa tập trung vào chiều và đêm). Trong mưa dông có khả năng xảy ra lốc, sét và gió giật mạnh.

***1.4. Các tỉnh Nam Bộ***

Nhiệt độ: Trung bình: 27,3 0C; Cao nhất: 34,6 0C; Thấp nhất: 23,5 0C;

Độ ẩm: Trung bình: 88,0 %; Cao nhất: 94,0 %; Thấp nhất: 79,8 %.

- Nhận xét: Trong kỳ qua, khu vực phổ biến có mưa rào và dông vài nơi; riêng chiều tối và tối có mưa rào và dông rải rác, cục bộ có mưa to.

- Dự báo trong tuần tới: Có mưa rào và rải rác có dông, cục bộ có nơi mưa to (thời gian mưa tập trung vào chiều và đêm). Trong mưa dông có khả năng xảy ra lốc, sét và gió giật mạnh.

**2. Cây trồng và giai đoạn sinh trưởng**

***2.1. Các tỉnh Bắc Bộ***

***a) Cây lúa:***

Lúa Mùa 2024: Diện tích đã gieo, cấy được **833.542 ha/ 832.572 ha**, đạt 101 % so với kế hoạch*.* Cụ thể:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Vụ/ Trà lúa** | **Giai đoạn sinh trưởng** | **Diện tích (ha)** |
| Trà sớm | Chín - Thu hoạch | 210.829 |
| Trà chính vụ | Ngậm sữa – Chắc xanh | 498.429 |
| Trà muộn | Đòng - Trỗ - Ngậm sữa | 124.284 |
| Diện tích đã thu hoạch |  | 46.754 |
| **Tổng cộng (Thực hiện/ Kế hoạch)** | **833.542/ 832.572** |

***b) Cây trồng khác:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Cây trồng** | **Giai đoạn sinh trưởng** | **Diện tích (ha)** |
| - Cây ngô Hè thu | Phát triển bắp – Thu hoạch | 187.900 |
| - Cây lạc | Phát triển củ | 5.506 |
| - Cây ăn quả |  |  |
|  Cây cam, quýt | Phát triển quả | 40.923 |
|  Cây bưởi | Phát triển quả  | 36.363 |
|  Cây xoài | Chăm sóc sau thu hoạch | 19.521 |
|  Cây chuối | Phát triển thân lá – thu hoạch | 43.349 |
|  Cây nhãn | Chăm sóc sau thu hoạch | 37.750 |
|  Cây vải | Phát triển lộc | 47.643 |
| - Cây công nghiệp |  |  |
|  Cây chè | Phát triển búp – thu hái | 85.704 |
|  Cây sắn | Phát triển thân lá – củ | 68.172 |
|  Cây dong | Phát triển thân, củ | 1.340 |
|  Cây cà phê | Phát triển quả – thu hoạch | 20.468 |
|  Cây mía | Phát triển lóng | 10.136 |
| + Cây thông | Khai thác nhựa | 366.658 |
| + Cây quế | Kinh doanh | 128.237 |
| + Cây hồi | Kinh doanh | 34.825 |
| + Cây bạch đàn | KTCB – KD | 17.056 |
| + Cây tre, luồng vầu | Kinh doanh | 4.137 |

***2.2. Các tỉnh Bắc Trung Bộ***

***a, Cây lúa:***

Lúa Hè Thu, Mùa 2024: Diện tích đã gieo, cấy **294.424 ha/ 302.672 ha**, đạt 97,28% so với kế hoạch. Đến ngày 19/9/2024, đã thu hoạch được **231.866,8 ha**, chiếm 78,8% diện tích gieo trồng. Cụ thể:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Vụ Hè Thu** | **Giai đoạn sinh trưởng** | **Diện tích gieo trồng (ha)** | **Diện tích thu hoạch (ha)** |
| Trà sớm | Thu hoạch xong | 130.674,5 | 130.674,5 |
| Trà chính vụ | Chín - Thu hoạch | 151.394,3 | 101.192,31 |
| Trà muộn | Làm đòng - Trổ - chín sữa | 12.355,6 |  |
| **Tổng** |  | **294.424,5** | **231.866,8** |

 ***b*, *Cây trồng khác***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Cây trồng** | **Giai đoạn sinh trưởng** | **Diện tích (ha)** |
| Ngô Hè Thu | PT bắp - TH | 24.152,9 |
| Ngô Thu Đông | Gieo-6 lá | 2.161 |
| Lạc Hè Thu | Đâm tia - PT củ - thu hoạch | 2.106,2 |
| Lạc Đông | Xuống giống - Cây con | 103,6 |
| Cây rau đậu | PT thân lá - thu hoạch | 29.803,6 |
| Khoai lang | PT củ - TH | 2.103,5 |
| Cây sắn | PT củ - TH | 49.459,4 |
| Cây mía | Vươn lóng | 33.949,3 |
| Cây cam, chanh | KTCB- PT quả - thu hoạch | 36.827,7 |
| Cây cà phê | PT quả | 3.715,7 |
| Cây cao su | KTCB - KD | 69.800,6 |
| Cây hồ tiêu | PT quả - TH | 3.404,6 |
| Cây chè | KTCB - KD | 14.730,6 |
| Cây thông | KTCB-KD | 94.626,5 |
| Keo, bạch đàn | KTCB – KD | 393.142,0 |
| Cây luồng | KTCB – KD | 82.333,0 |

***2.3. Các tỉnh Duyên Hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên***

***a) Cây lúa***

- LúaHè Thu 2024: Diện tích đã gieo cấy **343.834 ha/ 356.589 ha**,đạt 96,4 % so với kế hoạch. Đến ngày 19/9/2024, đã thu hoạch **225.005,7** **ha**, chiếm 65,4 % diện tích gieo trồng. Cụ thể:

- VụHè Thu 2024

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Khu vực** | **Trà** | **Giai đoạn sinh trưởng** | **Diện tích gieo trồng (ha)** | **Diện tích thu hoạch (ha)** |
| Đồng bằng | Sớm | Thu hoạch xong | 79.632,0 | 79.632,0 |
| Chính vụ | Thu hoạch xong | 104.621,9 | 104.621,9 |
| Muộn | Chắc xanh - Thu hoạch | 34.104,5 | 28.079,4 |
| Tây Nguyên | Sớm | Chín - Thu hoạch | 37.423,9 | 12.672,4 |
| Chính vụ | Chắc xanh - Chín  | 57.091,1 |  |
| Muộn | Trổ - Ngậm sữa  | 30.960,9 |  |
| **Tổng** | **343.834,3** | **225.005,7** |

- Lúa vụ Mùa 2024: Diện tích đã gieo cấy **65.518,7** **ha**; tập trung chủ yếu ở các tỉnh Bình Định, Phú Yên, Gia Lai, Đắk Lắk, Đắk Nông, Lâm Đồng,… Cụ thể:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Khu vực** | **Trà** | **Giai đoạn sinh trưởng** | **Diện tích (ha)** |
| Đồng bằng | Sớm |  Đứng cái - Ngậm sữa | 8.968,0 |
| Chính vụ | Sạ - Mạ - Đẻ nhánh | 36.274,2 |
| Tây Nguyên | Sớm | Đứng cái - Ngậm sữa | 18.482,0 |
| Chính vụ | Sạ - Mạ - Đẻ nhánh | 1.794,5 |
| **Tổng cộng** | **65.518,7** |

***b) Cây trồng khác***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Cây trồng** | **Giai đoạn sinh trưởng** | **Diện tích hiện tại (ha)** |
| Ngô Hè Thu 2024 | Thâm râu - Thu hoạch | 131.957,9 |
| Ngô Mùa 2024 | Cây con - PTTL | 15.758,7 |
| Đậu Hè Thu 2024 | Chắc quả - Thu hoạch | 46.384,8 |
| Đậu Mùa 2024 | Cây con - Ra hoa | 21.183,6 |
| Lạc Hè Thu 2024 | Chắc quả - Thu hoạch | 11.968,0 |
| Lạc Mùa 2024 | Cây con - Ra hoa - Đâm tia | 1.443,9 |
| - Cây rau | Nhiều giai đoạn | 58.575,8 |
| - Sắn  |   | ***237.372*** |
| Đồng Bằng | ĐX 2023 - 2024 | Nuôi củ - Thu hoạch | 48.665 |
| Hè Thu 2024 | PTTL - Nuôi củ | 31.490 |
| Tây Nguyên | ĐX 2023 - 2024 | Nuôi củ | 12.531 |
| Hè Thu 2024 | PTTL - Nuôi củ | 144.686 |
| - Cây ăn quả: |   |   |
| + Thanh long  | Chăm sóc - Thu hoạch | 26.550 |
| + Sầu riêng  | Thu hoạch - Chăm sóc sau TH | 76.916 |
| + Nho  | Chăm sóc - Thu hoạch | 980 |
| + Táo  | Chăm sóc - Thu hoạch | 1.108 |
| + Dừa  | Nhiều giai đoạn | 13.561 |
| + Cây có múi  | Các giai đoạn | 9.573 |
| - Cây công nghiệp: |  |  |
| + Chè  | Chăm sóc - Thu hoạch | 10.909 |
| + Mía  | Nhiều giai đoạn | 102.571 |
| + Cà phê  | Nuôi quả - Chắc quả |  669.235  |
| + Tiêu  | Quả non - Nuôi quả |  74.941  |
| + Điều  | Chăm sóc |  135.700  |
| + Cao su  | Khai thác mủ | 276.708,2 |

***2.4. Các tỉnh Nam Bộ***

***a) Cây lúa***

- Lúa Hè Thu 2024: Tổng diện tích đã gieo sạ **1.556.198 ha/ 1.540.011 ha**, đạt 101% so với kế hoạch; đã thu hoạch 1.333.791 **ha** (chiếm 78,6 % diện tích). Cụ thể:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Giai đoạn sinh trưởng** | **Diện tích hiện tại** **(ha)** | **Diện tích đã thu hoạch (ha)** |
| Mạ | 265 |  |
| Đẻ nhánh | 713 |  |
| Đòng - trỗ | 17.825 |  |
| Chín | 203.604 |  |
| Thu hoạch |  | 1.333.791 |
| **Tổng cộng (Thực hiện/ Kế hoạch)** | **1.556.198/ 1.540.011** |

- Lúa Thu Đông 2024: Tổng diện tích đã gieo sạ **689.352 ha/ 773.821 ha**, đạt 89 % so với kế hoạch. Cụ thể:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Giai đoạn sinh trưởng** | **Diện tích hiện tại** **(ha)** | **Diện tích đã thu hoạch (ha)** |
| Mạ | 123.361 |  |
| Đẻ nhánh | 160.525 |  |
| Đòng-trỗ | 102.732 |  |
| Chín | 213.578 |  |
| Thu hoạch |  | 89.156 |
| **Tổng cộng (Thực hiện/ Kế hoạch)** | **689.352** |

***b) Cây trồng khác***

| **STT** | **Nhóm/ loại cây** | **Giai đoạn sinh trưởng** | **Diện tích gieo trồng (ha)** |
| --- | --- | --- | --- |
| **1** | **Cây rau:** | Nhiều giai đoạn  | 82.127 |
| **2** | **Cây ăn quả:** |  |   |
|  | Cây Dừa | Nhiều giai đoạn | 175.211 |
| Cây có múi | Nhiều giai đoạn | 130.384 |
| Cây Xoài | Sinh trưởng | 61.374 |
| Cây Chuối | Nhiều giai đoạn | 57.829 |
| Cây Mít | PTTL, Nuôi quả, TH | 59.778 |
| Cây Sầu Riêng | Sinh trưởng, TH - chăm sóc | 64.877 |
| Cây Nhãn | Chăm sóc, PTTL | 26.472 |
| Cây Thanh Long | Chăm sóc, PTTL | 19.718 |
| Cây Chôm chôm | Chăm sóc, PTTL | 18.582 |
| **3** |  **Cây công nghiệp:** |   |  |
|  | Cây Cao su | Chăm sóc, PTTL | 518.120 |
| Cây Điều | Sau thu hoạch | 185.227 |
| Cây Khoai mì | PTTL, PT củ, thu hoạch | 53.919 |
| Cây Tiêu | Ra hoa – Nuôi trái | 34.929 |
| Cây Cà phê | Nuôi trái, thu hoạch | 23.288 |
| Cây bắp (ngô) | Nhiều giai đoạn | 20.568 |
| Cây Mía | Mới trồng, PTTL, đẻ nhánh | 20.242 |

***c) Diện tích cây trồng bị ảnh hưởng trong vụ***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Vụ** | **Diện tích bị thiệt hại và khắc phục (ha)** | **Nguyên nhân** |
| **Giảm NS****10-30%** | **Giảm NS 30-70%** | **Mất trắng (>70%)** | **Đã gieo cấy, dặm lại (ha)** | **Khô hạn, nhiễm mặn (ha)** | **Ngập úng, đổ ngã (ha)** |
| Hè Thu 2024 | 1.588,8 | 5.013,8 | 5.902,2 | 603,8 | 1.098,5 | 10.789,6 |
| Thu Đông 2024 | 1.465 | 300,4 | 73,6 | 1.731,4 |  | 1.839 |
| **Tổng** | **3.053,8** | **5.314,2** | **5.975,8** | **2.703,5** | **1.098,5** | **12.628,6** |

\* Trong vụ Hè Thu 2024:

- Đã có 1.098,5 ha lúa bị nhiễm mặn, khô hạn *(trong đó mức độ thiệt hại 30-70% là 474,8 ha; >70% là 623,7 ha; nông dân đã khắc phục gieo sạ lại 359,1 ha)* tại tỉnh Kiên Giang.

- Do ảnh hưởng mưa bão nên lúa bị đổ ngã với diện tích 10.630,8 ha (*trong đó mức độ thiệt hại 10-30% là 5.001 ha; 30-70% là 5.337,9 ha; >70% là 291,9 ha*; *nông dân đã khắc phục gieo sạ lại 142,4 ha)* tại tỉnh Kiên Giang (9.060,8 ha), Vĩnh Long (1.420 ha) và Sóc Trăng (141 ha).

- Tình hình mưa bão gây ngập nước đến cây lúa với diện tích 158,8 ha tại tỉnh Kiên Giang (*trong đó mức độ thiệt hại 10-30% là 12,8 ha; 30-70% là 89,5 ha; >70% là 56,5 ha; nông dân đã khắc phục gieo sạ lại 102,3 ha*)

\* Trong vụ Thu Đông – Mùa 2024:

- Thời tiết mưa lớn kéo dài gây đổ ngã và ngập úng với diện tích 1.839 ha, nên diện tích lúa bị chết giống tại tỉnh Vĩnh Long (1.555 ha) và Kiên Giang (249 ha), đổ ngã tại Kiên Giang (35 ha); *trong đó mức độ thiệt hại 10-30% là 1.465 ha; 30-70% là 300,4 ha; >70% là 73,6 ha; nông dân đã khắc phục gieo sạ lại 1.731,4 ha*.

- Tình hình mưa gió ngập nước ảnh hưởng đến cây lúa: 750,3 ha lúa bị ảnh hưởng do ngập nước tại Bà Rịa-Vũng Tàu (*trong đó mức độ ảnh hưởng 30-70% là 710 ha; >70% là 40,3 ha*) hiện nay ruộng lúa đã thoát nước, không còn ngập nước.

**II. TÌNH HÌNH SVGH CHỦ YẾU**

**2.1. Cây Lúa**

***- Bệnh đạo ôn:***

***+ Bệnh đạo ôn lá***: Diện tích nhiễm 5.826 ha (tăng 256 ha so với kỳ trước, tăng 704 ha so với CKNT), nhiễm nặng 8 ha, phòng trừ trong kỳ 1.581 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh: Bình Thuận, Gia Lai, Lâm Đồng, Đắk Lắk,An Giang, Vĩnh Long, Tây Ninh, Kiên Giang, Bạc Liêu, …;

**+ *Bệnh đạo ôn cổ bông*:** Diện tích nhiễm 3.527 ha (giảm 1.163 ha so với kỳ trước, tăng 1.300 ha so với CKNT), phòng trừ trong kỳ 7.042 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh: Lai Châu, Gia Lai, Lâm Đồng, Kiên Giang, Sóc Trăng, Tiền Giang, Trà Vinh, Hậu Giang, Cần Thơ…;

***- Sâu cuốn lá nhỏ*:** Diện tích nhiễm 2.831 ha (giảm 25.850 ha so với kỳ trước, giảm 7.693 ha so với CKNT), phòng trừ trong kỳ 590 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh: Nam Định, Thái Bình, Ninh Bình, Gia Lai, Đắk Lắk, An Giang, Vĩnh Long, Tây Ninh, Sóc Trăng, Hậu Giang, Đồng Tháp, …;

***- Rầy hại lúa*:** Diện tích nhiễm 3.509 ha (tăng 346 ha so với kỳ trước, tăng 3.928 ha so với CKNT), trong đó nhiễm nặng 58 ha, phòng trừ trong kỳ 2.215 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh: Nam Định, Thái Bình, Ninh Bình, Thanh Hoá, Cà Mau, Tiền Giang, Đồng Tháp, Kiên Giang, Đồng Nai, Long An…;

***- Bọ phấn (rầy phấn trắng):*** Diện tích nhiễm 112 ha (giảm 59 ha so với tuần trước), phòng trừ trong kỳ 50 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh: Tiền Giang, Đồng Tháp.

***- Sâu đục thân 2 chấm*:** Diện tích nhiễm 1.383 ha (tăng 9 ha so với kỳ trước, tăng 785 ha so với CKNT), trong đó nhiễm nặng 23 ha; phòng trừ trong kỳ 20.055 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh: Yên Bái, Hải Phòng… Bình Thuận, Khánh Hoà, Gia Lai, Đắk Lắk , Sóc Trăng, Bạc Liêu, Hậu Giang, Đồng Tháp, Bà Rịa Vũng Tàu …;

***- Bệnh bạc lá***: Diện tích nhiễm 8.363 ha (tăng 2.385 ha so với kỳ trước, tăng 2.700 ha so với CKNT), trong đó nhiễm nặng 246 ha; phòng trừ trong kỳ 7.619 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh: Nam Định, Bắc Giang, Điện biên…Thanh Hoá, Kiên Giang, Vĩnh Long, Hậu Giang, Cần Thơ, Bạc Liêu, An Giang…;

- ***Bệnh đen lép hạt***: Diện tích nhiễm 6.922 ha (giảm 3.792 ha so với kỳ trước, tăng 1.611 ha so với CKNT), trong đó nhiễm nặng 80 ha; phòng trừ trong kỳ 8.400 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh: Lai Châu, Thanh Hoá, Nghệ An, Lâm Đồng, Gia Lai, Đắk Lắk, Kiên Giang, Sóc Trăng, Hậu Giang, Tiền Giang, An Giang, Cà mau…;

- ***Bọ trĩ***: Diện tích nhiễm 458 ha (tăng 92 ha so với kỳ trước, giảm 192 ha so với CKNT), phòng trừ trong kỳ 295 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh: Gia Lai, Lâm Đồng, Tây Ninh, Đồng Tháp, TP Hồ Chí Minh, An Giang, Hậu Giang, Bình Phước…

***- Ốc bươu vàng:*** Diện tích nhiễm 2.745 ha (tăng 508 ha so với kỳ trước, giảm 897 ha so với CKNT), phòng trừ trong kỳ 1.927 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh: Gia Lai, Bình Thuận, Khánh Hoà, Đồng Nai, Long An, Đồng Tháp, Tây Ninh, An Giang, TP Hồ Chí Minh…;

***- Chuột:*** Diện tích nhiễm 6.159 ha (giảm 463 ha so với kỳ trước, giảm 7.111 ha so với CKNT), trong đó nhiễm nặng 208 ha; phòng trừ trong kỳ 616 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh: Thái Bình, Hà Nội, Bắc Ninh, Thanh Hóa, Nghệ An, Bình Thuận, Khánh Hoà, Gia lai, Đắk Lắk, An Giang, Hậu Giang, Cà Mau, Đồng Nai, TP Hồ Chí Minh, Vĩnh Long…;

**2.2. Cây ngô**

***Sâu keo mùa thu:*** Diện tích nhiễm 281 ha (tăng 77 ha so với kỳ trước, giảm 172 ha so với CKNT), trong đó nhiễm nặng 06 ha, phòng trừ trong kỳ 297 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh:Nam Định, Hải Dương, Hà Nội… Nghệ An, Hà Tĩnh, Lâm Đồng, Phú Yên, Bình Thuận, Đồng Nai, …;

**2.3. Cây nhãn**

***Bệnh chổi rồng:***Diện tích nhiễm 259 ha (giảm 8 ha so với kỳ trước, giảm 288 ha so với CKNT), trong đó nhiễm nặng 14 ha; phòng trừ trong kỳ 86 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh phía Nam: Bình Phước, Vĩnh Long, Sóc Trăng, Trà Vinh, Tiền Giang, Bến Tre, Tây Ninh, Hậu Giang.

**2.4. Cây thanh long**

***Bệnh đốm nâu***: Diện tích nhiễm 6.071 ha (tăng 1.903 ha so với kỳ trước, tăng 1.312 ha so với CKNT), nhiễm nặng 59 ha, phòng trừ trong kỳ 4.972 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh: Bình Thuận, Tiền Giang, Long An, Trà Vinh, Bà Rịa -Vũng Tàu;

**2.5. Cây dừa**

***- Bọ cánh cứng***: Diện tích nhiễm 5.511 ha (giảm 78 ha so với kỳ trước, giảm 313 ha so với CKNT), trong đó nhiễm nặng 26 ha; phòng trừ trong kỳ 264 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh phía Nam: Bến Tre, Sóc Trăng, Kiên Giang, Tiền Giang, Vĩnh Long, Bạc Liêu, hậu Giang, Trà Vinh, Cà Mau, …;

***- Sâu đầu đen*** (*Opisina arenosella* Walker): Diện tích nhiễm 1.139 ha (tăng 51 ha so với kỳ trước, tăng 783 ha so với CKNT), trong đó nhiễm nặng 309 ha; phòng trừ trong kỳ 2.414 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh phía Nam: Bến Tre, Trà Vinh,Tiền Giang, …;

**2.6. Cây ăn quả có múi**

**- *Bệnh vàng lá thối rễ:*** Diện tích nhiễm 1.139 ha (tăng 371 ha so với kỳ trước, giảm 31 ha so với CKNT), trong đó nhiễm nặng 17 ha; phòng trừ trong kỳ 333 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh: Tuyên Quang, Bắc Giang, Hòa Bình, Nghệ An, Hậu Giang, Sóc Trăng, Tiền Giang, Vĩnh Long, Trà Vinh, Bà Rịa Vũng Tàu,…;

***- Bệnh Greening***: Diện tích nhiễm 587 ha (tương đương so với kỳ trước, giảm 169 ha so với CKNT), trong đó nhiễm nặng 38 ha, mất trắng 05 ha tại tỉnh Nghệ An; phòng trừ trong kỳ 54 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh: Nghệ An, Vĩnh Long, Hậu Giang, Sóc Trăng, Trà Vinh. Đồng Nai, Đồng Tháp, …;

**2.7. Cây sầu riêng**

***Bệnh xì mủ***: Diện tích nhiễm 4.352 ha (giảm 8 ha so với kỳ trước, tăng 804 ha so với CKNT), trong đó nhiễm nặng 418 ha; phòng trừ trong kỳ 146 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh: Lâm Đồng, Khánh Hòa, Đồng Nai, Vĩnh Long, Tiền Giang, Bình Phước, Sóc Trăng, …;

**2.8. Cây hồ tiêu**

***- Tuyến trùng***: Diện tích nhiễm 1.886 ha (giảm 78 ha so với kỳ trước, giảm 463 ha so với CKNT), trong đó nhiễm nặng 206 ha; phòng trừ trong kỳ 187 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh: Quảng Trị, Gia Lai, Đắk Lắk, Đồng Nai, Bình Phước, Kiên Giang, Bình Dương…;

***- Bệnh chết chậm***: Diện tích nhiễm 1.834 ha (tăng 18 ha so với kỳ trước, tăng 150 ha so với CKNT), trong đó nhiễm nặng 100 ha; phòng trừ trong kỳ 291 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh: Quảng Bình, Quảng Trị, Gia Lai, Đắk Lắk, Đắk Nông, Lâm Đồng, Bình Thuận, Đồng Nai, Bình Phước, Kiên Giang, Bà Rịa Vũng Tàu, Bình Dương,…;

***- Bệnh chết nhanh***: Diện tích nhiễm 406 ha (tăng 15 ha so với kỳ trước, tăng 28 ha so với CKNT), trong đó nhiễm nặng 03 ha; phòng trừ trong kỳ 9 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh: Quảng Trị, Gia Lai, Bình Phước, Kiên Giang, Đồng Nai.

**2.9. Cây cà phê**

***- Bệnh khô cành***:Diện tích nhiễm 7.009 ha (giảm 477 ha so với kỳ trước, tăng 144 ha so CKNT); trong đó nhiễm nặng 80 ha; phòng trừ trong kỳ 5.726 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh: Điện Biên, Quảng Trị, Gia Lai, Đắk Lắk, Lâm Đồng, Đồng Nai, Bình Phước..;

***- Bệnh gỉ sắt:*** Diện tích nhiễm 5.324 ha (giảm 420 ha so với kỳ trước, giảm 1.996 ha so CKNT), trong đó nhiễm nặng 01 ha; phòng trừ trong kỳ 10.405 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh: Điện Biên, Gia Lai, Lâm Đồng, Bình Phước, Đồng Nai, …;

**2.10. Cây chè**

***Bọ xít muỗi***: Diện tích nhiễm 4.327 ha (giảm 44 ha so với kỳ trước, tăng 1.028 ha so với CKNT); phòng trừ trong kỳ 3.474 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh: Thái Nguyên, Phú Thọ, Sơn La, Lâm Đồng, Gia lai…;

**2.11. Cây sắn (khoai mì)**

***Bệnh khảm lá virus:*** Diện tích nhiễm 48.976 ha (giảm 2.214 ha với kỳ trước, giảm 10.933 ha so với CKNT), trong đó nhiễm nặng 12.731 ha, phòng trừ môi giới truyền bệnh 1.958 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh: Hoà Bình, Thanh Hoá, Nghệ An, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế, Phú Yên, Quảng Ngãi, Quảng Nam, Gia Lai, Khánh Hoà, Bình Thuận, Đắk Lắk, Tây Ninh, Đồng Nai, Bình Dương, Long An, Bà Rịa Vũng Tàu, Bình Phước….;

**2.12. Cây điều**

***- Bọ xít muỗi***: Diện tích nhiễm 4.110 ha (tăng 61 ha so với kỳ trước, giảm 753 ha so với CKNT), Nhiễm nặng 2 ha, phòng trừ trong kỳ 1.647 ha. Phân bố tập trung tại các tỉnh: Lâm Đồng, Gia Lai, Đắk Lắk, Bình Thuận, Bình Phước, Đồng Nai, …;

***- Bệnh thán thư:*** Diện tích nhiễm 4.162 ha (tăng 96 ha so với kỳ trước, giảm 1.101 ha so với CKNT), nhiễm nặng 30 ha, phòng trừ trong kỳ 1.527 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh: Lâm Đồng, Đắk Lắk, Gia Lai, Bình Thuận, Khánh Hoà, Đồng Nai, Bà Rịa Vũng Tàu.

**III. DỰ BÁO SVGH VÀ ĐỀ XUẤT BIỆN PHÁP CHỈ ĐẠO PHÒNG TRỪ**

**1. Dự báo SVGH chủ yếu trong kỳ tới**

***1.1. Trên cây Lúa***

1.1.1. Các tỉnh Bắc Bộ:

- Rầy nâu – rầy lưng trắng: Rầy lứa 7 nở rộ và gây hại trên trà lúa chính vụ, muộn, giống nhiễm.

**-** Sâu cuốn lá nhỏ: Sâu non gây hại chủ yếu trên diện tích lúa muộn giống dài ngày. Đặc biệt là các diện tích lúa xanh tốt.

**-** Sâu đục thân 2 chấm: Sâu non gây bông bạc một số diện tích lúa trỗ sau 20/9

- Chuột, bệnh khô vằn, bệnh bạc lá, bệnh đốm sọc vi khuẩn hại tăng; lúa cỏ tiếp tục hại.

1.1.2. Các tỉnh Bắc Trung Bộ:

*- Chuột*: tiếp tục gây hại trên trà lúa Mùa muộn, hại nặng trên các chân ruộng gần làng, gò bãi tại các tỉnh trong vùng.

*- Bệnh đen lép hạt*: phát sinh gây hại trên lúa trà lúa mùa muộn, hại nặng cục bộ trên những chân ruộng gieo cấy dày, bón thừa đạm gặp điều kiện mưa và dông.

*- Bệnh bạc lá:* phát sinh gây hại tăng trên lúa Mùa muộn giai đoạn Đòng, trỗ - chín sữa tại các tỉnh Thanh Hóa, Nghệ An; hại nặng cục bộ trên các chân ruộng bón phân thiếu cân đối, thừa đạm.

Ngoài ra, *rầy nâu, rầy lưng trắng, sâu đục thân 2 chấm, bệnh khô vằn,...:* tiếp tục gây hại phổ biến nhẹ - trung bình, cục bộ hại nặng trên lúa Mùa muộn tại Thanh Hóa, Nghệ An.

1.1.3. Các tỉnh Duyên Hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên

- Đồng bằng:

+ Sâu cuốn lá nhỏ, sâu đục thân, rầy nâu+RLT, bệnh đạo ôn cổ lá+cổ bông, bệnh khô vằn, bệnh lem lép thối hạt,...tiếp tục gây hại trên lúa Mùa trà sớm giai đoạn đòng trổ - ngậm sữa.

+ Bọ trĩ, sâu cuốn lá nhỏ, sâu đục thân, bệnh đạo ôn lá,…hại lúa Mùa giai đoạn mạ - đẻ nhánh - đứng cái.

- Tây Nguyên:

+ Sâu đục thân, bệnh đạo ôn cổ lá+cổ bông, bệnh khô vằn, bệnh lem lép thối hạt,...hại lúa Hè Thu muộn giai đoạn chắc xanh - chín; lúa Mùa giai đoạn đòng trổ - ngậm sữa.

+ Bọ trĩ, sâu cuốn lá nhỏ, sâu đục thân, bệnh đạo ôn lá,…hại lúa Mùa giai đoạn mạ - đẻ nhánh - đứng cái.

- Chuột: Gây hại nhẹ rải rác trên các trà lúa.

- Ốc bươu vàng: Gây hại rải rác trên lúa Mùa giai đoạn sạ - mạ.

1.1.4. Các tỉnh Nam Bộ

*- Rầy nâu:* trên đồng phổ biến rầy tuổi 3-5 và gây hại phổ biến ở mức nhẹ- trung bình, cục bộ hại nặng trên trà lúa giai đoạn đòng- trỗ. Các tỉnh tiếp tục khuyến cáo nông dân thăm đồng thường xuyên, nắm bắt sát tình hình rầy gây hại trên đồng để quản lý tốt đối tượng này.

- Hiện nay thời tiết thường có mưa nhiều vào chiều tối và đêm, ẩm độ không khí cao tạo điều kiện thuận lợi cho *bệnh đạo ôn, bệnh bạc lá, bệnh đen lép hạt,* .. phát triển gia tăng diện tích hại trong tuần tới. Khuyến cáo thăm đồng thường xuyên để phát hiện bệnh sớm và có biện pháp quản lý kịp thời, hiệu quả.

Ngoài ra, cần chú ý: *Ốc bươu vàng* gây hại trên trà lúa Thu Đông- Mùa mới xuống giống <15 ngày sau sạ (NSS.). *Chuột* gây hại trên lúa giai đoạn đòng trỗ - chín, áp dụng các biện pháp diệt chuột trên diện rộng, mang tính cộng đồng để tăng hiệu quả phòng, trừ.

***1.2. Trên cây trồng khác***

- **Trên cây ngô**: *Sâu keo mùa thu, bệnh đốm lá, bệnh khô vằn, chuột...* tiếp tục phát sinh gây hại phổ biến ở mức nhẹ - trung bình, hại nặng cục bộ.

**- Trên cây rau, màu**: Các đối tượng sinh vật hại như *sâu tơ, bọ nhảy, sâu khoang, rệp, bọ trĩ, bệnh lở cổ rễ, bệnh sương mai ...*  tiếp tục gây hại nhẹ - trung bình, cục bộ hại nặng trên rau họ hoa thập tự; *bệnh mốc sương, héo xanh, bệnh héo vàng...* tiếp tục hại trên cây họ bầu bí; *bệnh lở cổ rễ, chết ẻo, thối gốc*...phát sinh gây hại tăng trên rau giai đoạn cây con.

**- Cây ăn quả có múi**: *Bệnh vàng lá thối rễ*, *bệnh Greening, bệnh thán thư, ruồi đục quả,...* tiếp tục phát sinh và gây hại trên các vùng trồng cây có múi, gây hại phổ biến ở mức nhẹ - trung bình, cục bộ hại nặng.

**- Cây nhãn, vải:** *Bệnh chổi rồng nhãn* tiếp tục phát sinh gây hại tại các tỉnh phía Nam; *bọ xít nâu, bệnh thán thư, sâu đục quả,..* tiếp tục hại.

**- Cây chè**: *Rầy xanh, bọ xít muỗi, bọ cánh tơ, nhện đỏ, bệnh phồng lá*... tiếp tục phát sinh gây hại, mức độ hại phổ biến từ nhẹ - trung bình, cục bộ hại nặng.

**- Cây sắn**: *Bệnh khảm lá virus* tiếp tục lây lan nhiễm bệnh tại các vùng trồng sắn trong cả nước, đặc biệt khu vực miền Trung, Tây Nguyên và Nam Bộ. Lưu ý các đối tượng sinh vật gây hại như *bọ phấn trắng, rệp sáp*... .

**- Cây cà phê:** *Bọ xít muỗi* tiếp tục gây hại phổ biến ở mức nhẹ - trung bình trên cà phê ở các tỉnh miền Trung*;* *rệp sáp, rệp vảy, bệnh khô cành, bệnh thán thư, bệnh gỉ sắt, mọt đục cành,...* tiếp tục hại.

**- Cây hồ tiêu**: *Bệnh chết nhanh, bệnh chết chậm, tuyến trùng rễ, rệp các loại,*... tiếp tục hại.

- **Cây điều**: *Bọ xít muỗi, bệnh thán thư, sâu đục thân/cành ....* tiếp tục phát sinh và gây hại tăng trong điều kiện thời tiết thuận lợi hiện nay, hại nặng cục bộ.

- **Cây thanh long***:* *Bệnh đốm nâu, bệnh thán thư, rệp sáp,*...tiếp tục gây hại.

- **Cây dừa***: Bọ cánh cứng* tiếp tục phát sinh và gây hại tại các vùng trồng dừa; *sâu đầu đen* tiếp tục phát sinh và gây hại tại các khu vực trồng dừa tỉnh Bến Tre, Trà Vinh, Tiền Giang, Sóc Trăng,...

**- Cây sầu riêng:** *Bệnh xì mủ* có khả năng gia tăng diện tích nhiễm, nhất là trên những vườn chăm sóc kém, không thoát nước tốt.

***-* Cây lâm nghiệp:***Châu chấu tre* trưởng thành tiếp tục gây hại, tập trung tại các khu vực châu chấu sinh sản hàng năm thuôc các tỉnh Cao Bằng, Bắc Kạn, Điện Biên,...; *Sâu róm thông bệnh rơm lá thông, bệnh chết héo cây keo,...* tiếp tục gây hại cục bộ.

**2. Đề xuất biện pháp chỉ đạo phòng trừ SVGH chủ yếu trong kỳ tới**

- Chỉ đạo các tỉnh trồng lúa khu vực Bắc Bộ: thực hiện tốt công văn số 1973/BVTV-TV ngày 06/9/2024 của Cục Bảo vệ thực vật về việc chủ động phòng chống sinh vật gây hại lúa sau bão và công văn số 2213/BVTV-TV ngày 08/8/2022 của Cục bảo vệ thực vật về việc hướng dẫn biện pháp kỹ thuật quản lý lúa cỏ (lúa ma).

- Chỉ đạo các tỉnh trồng lúa khu vực Bắc Trung Bộ: tiếp tục điều tra, theo dõi chặt chẽ một số đối tượng hại chính trên lúa Hè Thu, Mùa cuối vụ như: rầy nâu, rầy lưng trắng, sâu đục thân 2 chấm, bệnh bạc lá, bệnh đen lép hạt ... để có biện pháp phòng trừ kịp thời và hiệu quả.

- Chỉ đạo các tỉnh trồng lúa khu vực Duyên Hải Nam Trung Bộ theo dõi chặt chẽ tình hình thời tiết để đối phó với cơn bão số 4, Tây Nguyên và Nam Bộ: tiếp tục theo dõi chặt chẽ diễn biến sinh vật gây hại chính trên lúa Hè Thu, Mùa 2024 và tiến độ xuống giống lúa Thu Đông - Mùa 2024 để chủ động các biện pháp phòng chống. Tiếp tục theo dõi diễn biến rầy vào đèn, xác định cao điểm rầy vào đèn chỉ đạo xuống giống vụ Thu Đông 2024 “né rầy”.

- Chỉ đạo các tỉnh Tây Nguyên, Đông Nam Bộ: tiếp tục nắm chắc diễn biến tình hình và chủ động biện pháp phòng chống các đối tượng sinh vật gây hại chính như: *bệnh chết nhanh, chết chậm* và *tuyến trùng rễ* hại trên cây hồ tiêu; *rệp, bệnh khô cành, bệnh gỉ sắt,*.. hại trên cây cà phê; *bọ xít muỗi và bệnh thán thư* hại trên cây điều; *bệnh nứt, thân xì mủ* trên cây sầu riêng, *bệnh đốm nâu* hại Thanh Long.

- Chỉ đạo các Trung tâm BVTV vùng, các tỉnh tiếp tục thực hiện tốt công văn số 106/BVTV-TV ngày 19/01/2024 của Cục Bảo vệ thực vật về việc thực hiện các quy định về điều tra phát hiện SVGH cây trồng và công văn số 944/BVTV-TV ngày 01/6/2020 của Cục BVTV về báo cáo định kỳ.

- Chỉ đạo các tỉnh thực hiện tốt Chỉ thị số 1900/CT-BNN-BVTV ngày 15/3/2024 của Bộ NN&PTNT về việc tổ chức thực hiện công tác phòng, chống chuột bảo vệ sản xuất.

- Chỉ đạo các tỉnh trồng ngô tiếp tục thực hiện tốt Chỉ thị 4962/BNN-BVTV ngày 15/7/2019 của Bộ trưởng về tăng cường chỉ đạo phòng chống *sâu keo mùa thu hại ngô*. Theo dõi chặt chẽ diễn biến của sâu keo mùa thu hại ngô, áp dụng Quy trình kỹ thuật phòng, chống sâu keo mùa thu do Bộ NN&PTNT ban hành trong công văn số 218/QĐ-BNN-BVTV ngày 16/01/2020.

- Chỉ đạo các tỉnh trồng sắn tiếp tục thực hiện tốt Chỉ thị số 5957/CT-BNN-BVTV ngày 06/8/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc tăng cường công tác phòng chống bệnh khảm lá virus hại sắn.

- Chỉ đạo các tỉnh tiếp tục điều tra, phát hiện và chủ động biện pháp phòng chống sinh vật gây hại trên cây lâm nghiệp ./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- Lãnh đạo Cục BVTV (để b/c);- Phòng KH-TH, HTQT&TT (đưa website Cục);- Trung tâm BVTV vùng;- Trung tâm tin học thống kê của Bộ;- Báo NNVN; Đài VTC16;- Lưu: VT, BVTV. | **KT. CỤC TRƯỞNG****PHÓ CỤC TRƯỞNG****Nguyễn Quý Dương** |

**TỔNG HỢP DIỆN TÍCH NHIỄM SVGH CHỦ YẾU TRÊN CÂY TRỒNG CHỦ LỰC TRONG KỲ**

| **Stt** | **Tên SVGH** | **DTN (ha)** | **DTN so với** | **Phòng trừ** | **Phân bố** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nhẹ-TB** | **Nặng** | **Mất trắng** | **Tổng** | **Kỳ trước** | **CKNT** |
| **I** | **Cây Lúa** |
| 1 | Đạo ôn lá | 5.817 | 8 | 0 | 5.826 | 256 | 704 | 1.581 | B.Thuận, L.Đồng, G.Lai, Đ.LắkAG, VL, ĐT, BL, KG, TN |
| 2 | Đạo ôn cổ bông | 3.527 | 0 | 0 | 3.527 | -1.163 | 1.300 | 7.042 | Lai ChâuG.Lai, L.ĐồngKG, HG, TG, ST, VL, CT |
| 3 | Rầy hại lúa | 3.451 | 58 | 0 | 3.509 | 346 | 3.928 | 2.215 | NĐ, TB, NB...THCM, TG, ĐT, KG, ĐN, LA |
| 4 | Sâu đục thân 2 chấm | 1.360 | 23 | 0 | 1.383 | 9 | 785 | 20.055 | YB, HP, VP...B.Thuận, K.Hòa, G.Lai, Đ.Lắk, ST, BL, HG, ĐT, VT |
| 5 | Sâu cuốn lá nhỏ | 2.831 | 0 | 0 | 2.831 | -25.850 | -7.693 | 590 | NĐ, TB, NB...G.Lai, Đ.LắkAG, VL, HG, TN, ST, ĐT |
| 6 | Bệnh bạc lá | 8.117 | 246 | 0 | 8.363 | 2.385 | 2.700 | 7.619 | NĐ, BG, ĐB...THKG, VL, HG, CT, BL, AG |
| 7 | Bệnh đen lép hạt | 6.842 | 80 | 0 | 6.922 | -3.792 | 1.611 | 8.400 | Lai ChâuTH, NAL.Đồng, G.Lai, Đ.LắkKG, HG, ST, TG, AG, CM |
| 8 | Chuột hại lúa | 5.951 | 208 | 0 | 6.159 | -463 | -7.111 | 616 | TB, HN, BN...TH, NAB.Thuận, K.Hòa, G.Lai, Đ.LăkAG, HG, HCM, CM, ĐN, VL |
| 9 | Ốc bươu vàng  | 2.745 | 0 | 0 | 2.745 | 508 | -897 | 1.927 | B.Thuận, G.Lai, K.HòaĐN, LA, ĐT, TN, AG, HCM |
| 10 | Bệnh khô vằn | 48.441 | 1.969 | 0 | 50.409 | -14.779 | -5.858 | 69.357 | HP, H.Nam, NĐ...TH, NAG.Lai, L.Đồng, B.ĐịnhVL, HG, TN, BP |
| 11 | Bọ trĩ | 458 | 0 | 0 | 458 | 92 | -192 | 295 | G.Lai, L.ĐồngTN, ĐT, HCM, AG, HG, BP |
| **II** | **Cây trồng khác** |
| 1 | Chổi rồng nhãn | 245 | 14 | 0 | 259 | -8 | -288 | 86 | BP, VL, ST, TV, TN, TG, BT, HG |
| 2 | Bệnh vàng lá thối rễ cây có múi | 1.122 | 17 | 0 | 1.139 | 371 | -31 | 333 | BG, TQ, YBNAHG, ST, TG, VL, TV, BRVT |
| 3 | Bệnh Greening | 544 | 38 | 5 | 587 | 0 | -169 | 54 | NAVL, HG, ST, TV, ĐN, ĐT |
| 4 | Đốm nâu thanh long | 6.012 | 59 | 0 | 6.071 | 1.903 | 1.312 | 4.972 | B.ThuậnLA, TG, TV, BRVT |
| 5 | Bọ cánh cứng hại dừa | 5.485 | 26 | 0 | 5.511 | -78 | -313 | 264 | BT, ST, TV, CM, KG, TG, VL, BL, HG |
| 6 | Sâu đầu đen hại dừa  | 860 | 309 | 0 | 1.139 | 51 | 783 | 2.414 | BT, TG, TV, VL, ST |
| 7  | Bệnh xì mủ hại sầu riêng | 3.935 | 418 | 0 | 4.352 | -8 | 804 | 146 | L.Đồng, K.Hòa, Đ.LắkĐN, VL, TG, BP, HG, ST |
| 8 | Tuyến trùng hại tiêu | 1.680 | 206 | 0 | 1.886 | -78 | -463 | 187 | QTG.LaiĐN, BP, BD, KG |
| 9 | Chết chậm hại tiêu | 1.734 | 100 | 0 | 1.834 | 18 | 150 | 291 | QB,QTB.Thuận, G.Lai, Đ.Lắk, Đ.Nông, L.ĐồngĐN, BP, BRVT, BD, KG |
| 10 | Chết nhanh hại tiêu | 403 | 3 | 0 | 406 | 15 | 28 | 9 | QTG.LaiBP, ĐN, KG |
| 11 | Bệnh khô cành cà phê | 6.929 | 80 | 0 | 7.009 | -477 | 144 | 5.726 | Điện BiênQTG.Lai, Đ.Lắk, L.ĐồngĐN, BP |
| 12 | Gỉ sắt cà phê  | 5.323 | 1 | 0 | 5.324 | -420 | -1.996 | 10.405 | Điện BiênG.Lai, Đ.Lắk, L.ĐồngBP, ĐN |
| 13 | Bọ xít muỗi hại điều | 4.108 | 2 | 0 | 4.110 | 61 | -753 | 1.647 | L.Đồng, G.Lai, B.Thuận, Đ.LắkBP, ĐN |
| 14 | Bệnh thán thư hại điều | 4.132 | 30 | 0 | 4.162 | 96 | -1.101 | 1.527 | L.Đồng, G.Lai, B.Thuận, Đ.LắkBP, ĐN, BRVT |
| 15 | Bọ xít muỗi hại chè | 4.327 | 0 | 0 | 4.327 | -44 | 1.028 | 3.474 | TN, PT, SL…L.Đồng, G.Lai |
| 16 | Bệnh khảm lá sắn (mì) | 36.245 | 12.731 | 0 | 48.976 | -2.214 | -10.933 | 1.958 | Hòa BìnhTH, NA, QB, QT, HuếP.Yên, Q.Ngãi, Q.Nam, G.Lai, K.Hòa, B.Thuận, Đ.LắkTN, ĐN, BD, BRVT, LA, BP |
| 17 | Sâu keo mùa thu hại ngô | 275 | 6 | 0 | 281 | 77 | -172 | 297 | NĐ, HD, H.Nội...NA, HTL.Đồng, B.Thuận, P.YênĐN |